

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái Hữu Biên Hoà hân hạnh giới thiệu đến quý vị phần biên khảo tổng quát về **Lịch Sử Biên Hoà (1558-1975)** từ phần **1** đến **33** của đồng hương **Nguyễn Văn Đáng**, được khởi đăng trên diễn đàn. Hội chân thành cảm tạ tác giả. Kính mời quý vị.

Trân trọng.



LỊCH SỬ BIÊN HOÀ
(1558-1975)
PHẦN 5:

VUA GIA LONG

Thống nhất nước Việt-Nam.

Đời Tây Sơn đến vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản, vua thì nhu nhược, triều đình chia rẽ, bè phái, quan quân lớn nhỏ sanh lòng tham nhũng vơ vét tài sản của dân, gây nên sự đa thán trong dân chúng, do đó người dân hết lòng ủng hộ Chúa Nguyễn Vương. Đến tháng Năm, Tân Dậu (1801), Nguyễn Vương Nguyễn Phúc Ánh đem binh tiến ra đánh bại Tây Sơn, từ đây cả triều đại Tây Sơn do anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ gây dựng nên sụp đổ hoàn toàn.

Đến tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), Chúa Nguyễn Vương Nguyễn Phúc Ánh, lập trai đàn, tế cáo Trời Đất, lên ngôi Vua. Đặt niên hiệu là Gia Long Nguyên Niên, đặt quốc hiệu là Việt-Nam. Vua thiết triều để các quan đến chào mừng, đóng đô ở Phú Xuân (Huế). Từ đây nước Việt-Nam, có hình chữ “S”, nối liền một dãy từ cửa Ải Nam-Quan, tỉnh Cao-Bằng đến mũi Cà-Mau. Phía Bắc giáp nước Trung-Hoa, phía Đông giáp Đông-Hải, phía Tây giáp Ai-Lao và Cam-Bốt, phía Nam giáp vịnh Thái-Lan.

Biên Hoà, thời vua Gia Long.

Ngay sau khi lên ngôi, vua Gia Long bắt đầu quy hoạch lại các địa hạt hành chánh, lúc bấy giờ Trấn Biên Dinh vẫn là một trấn nhưng mang danh hiệu là BIÊN HOÀ (Vua Gia Long, có ý cho rằng một Trấn ở vùng ven BIÊN giới nay được thái HOÀ), thuộc hệ thống hành chánh Gia Định Thành (ở miền Đông Nam Bộ) gồm có phủ Phước Long, chia ra 4 huyện: Phước Chánh (Biên

Hoà), Bình An (Dĩ-An và Lái-Thiên), Long Thành và Phước An (Phước Tuy).

Phần đất màu mỡ ở miền Nam vừa mới thu phụ từ Thủy Chân-Lạp được coi là hệ trọng nhứt ở vùng Trấn Biên, triều đình rất đặc biệt quan tâm, cho đặt các quan chức đầy đủ để lo việc an dân hưng quốc:

- Đứng đầu là quan Trấn Thủ.
- Các quan phụ tá có: quan Cai Bộ, và quan Ký Lục.
- Các đơn vị hành chánh hệ thuộc Trấn, gồm có: phủ, huyện và các châu (thường là các cù lao). Mỗi đơn vị đặt dưới sự chỉ huy của vị Tham Tri: Tri Phủ, Tri Huyện, và Tri Châu. Ở mỗi Tri lập ra Bộ Hộ, để lo về đinh điền thuế má, về dân số ghi được là 10 ngàn 600 dân, về điền thổ đo đạc được 15 ngàn 000 mẫu (đo bằng thước đồng).

- Thuế điền thổ: Ruộng chia ra làm ba hạng để nộp lúa hằng năm, mỗi mẫu phải nộp:

Hạng nhứt = 20 thăng (thùng đo lường)

Hạng nhì = 15 thăng

Hạng ba = 10 thăng

Ruộng mùa = 10 thăng.

Tại thị trấn có xây kho chứa thóc an toàn để phòng khi mất mùa thiếu lúa. Dinh Trấn từ đầu, triều đình cho đặt tại thôn Phước-Lu (khu vực cạnh bờ sông Đồng Nai đối diện Cù Lao Phố, phía cầu Rạch Cát). Để mở rộng châu vi của thị trấn, năm 1815 Dinh Trấn được dời về thôn Tân Lâm (khu vực chợ Bình Trước) cũng là điểm tụ họp dân chúng nhóm chợ, dựng lên phố chợ, tiệm cửa hàng buôn bán, ngày càng trở nên phồn thịnh.

Về học vấn giáo dục thì chương trình học đến trình độ tiểu học, cơ sở học đường dựng tại thôn Tân Lại (Tân Thành). Để điều hành trong việc học vấn giáo dục, đứng đầu là vị Đốc Học và Phó Đốc Học, triều đình chọn tuyển các sĩ phu và các khoa mục từ đời nhà Lê gởi vào trợ giáo giảng dạy. Các nho sinh, sĩ tử ở Trấn, muốn học cao hơn và dự các cuộc thi Hương phải về trường lớn ở Gia Định Thành, học tiếp.

Tỏ lòng tôn trọng Nho Học, triều đình gởi quan Tham Tri Bộ Lễ là ông Nguyễn Đỗ vào Trấn Biên (Biên Hoà), trông coi tu sửa lại Lăng Miếu (Thánh Miếu), nơi thờ đức Khổng Tử đã được xây từ trước tại thôn Tân Lại (cạnh núi Bửu Long), vào thời vua Duệ Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Thuần, năm Ất Mùi (1775).

Về việc tiền tệ buôn bán, lúc bấy giờ trên thị trường vẫn tiếp tục lưu hành đồng tiền từ thời vua Cảnh Thịnh (Tây Sơn). Vào niên vị thứ hai của vua Gia Long (1803), vua cho mở sở đúc tiền ở Bắc Thành để đúc ra tiền kẽm, tiền đồng, lại cho đúc nén bạc, nén vàng, lượng bạc, lượng vàng, để tiện việc trao đổi giao thương trong nước.

Trấn Biên Hoà cũng có mở lò đúc tiền kẽm, do đó sau này có tên là “Trường Tiền” lưu truyền đến ngày nay (nơi sở Công Chánh Biên Hoà trước 75).

Về giao thông, đường quan lộ (đường chánh), Quốc Lộ 1 nối liền Bắc Nam được các quan trấn thủ cho dân kiến trúc lại, dân chúng sở tại phải đi đắp đường làm cầu, theo thể lệ cứ làm được 15 ngàn 000 trượng thì được phát cho 10 ngàn 000 phượng (vật đo lường) gạo. Mọi di chuyển trong Trấn phần nhiều dùng đường thủy, phân chia ra có bốn trạm đò như: Thuận Biên, Xích-Lam, Môi-Riêng

và Nhà Bè. Mỗi nơi có từ hai chục đến ba mươi phu trạm để phụ trách việc chuyên tiếp các thư từ, công văn, sắc chỉ (của Vua), đi theo từng dặm đường xa gần. Những sông ngòi và đê điều, đều là khăn yếu cho việc canh nông, vì vậy Vua truyền cho các quan Trấn phải cho dân xoi móc đào sâu sông ngòi và các cửa bể đê điều, chỗ hư hỏng phải sửa ngay, thấp hoặc không có phải bồi đắp thêm.

Về luật pháp, trong việc xử án kiện tụng, quan Án Sát vẫn áp dụng Luật Hồng Đức từ thời nhà Lê. Thời gian sau, vào năm Tân Mùi (1811), Vua Gia Long sai ông Nguyễn Văn Thành làm Tổng Tài, coi việc soạn ra bộ sách luật. Đến năm Ất Hợi (1815) sách luật mới được ban hành mọi nơi trên nước Việt-Nam.

Về binh chế, việc ban thưởng cho các tướng sĩ, tặng phong và lập đền kỷ niệm các người tử trận. Những người già thì được trả về quê quán làm ăn, đặt ra lệ giảm binh, dân Trấn Biên cũng theo lệ, cứ 5 tên đinh dân thì chọn lấy một tên đi lính. Thành phần lính thì có lính cơ và lính mộ, tất cả đều được hưởng lệ “Biên Binh Ban Lệ”, là cứ thay phiên nhau, hai năm ở nguyên quán thì một năm tại binh ngũ.

Về binh khí có gươm, giáo, siêu, mã tấu, súng thạch cơ điều thương (mỏ cò bằng đá lửa), súng đại bác.

Về đồn ải thì Trấn Biên có đồn cửa Cần-Giờ, nơi này đặt súng đại bác phòng thủ mặt biển, quan trấn thủ còn cho xây thêm đồn cho một cơ động lính thủy trấn đóng, dùng thuyền lớn bọc đồng di chuyên trên sông canh giữ những nơi hiểm yếu như đồn Phước Giang (Phước An), Luỹ Đòng-Môn (Long Thành), Trau-Trầu

(Thủ Đức), Luỹ Kỳ Giang (Bà Ký). Trên bộ thì có Tuần Bãng (Thủ Đức) (Lá Buông) (Phước Tân).

Thủ, có thủ Ba Căn (Định Quán) thủ Đồn Sứ (Long Thành) và Đồn-Môn. (Phước Thuận, Long Thành).

Vua Thế Tổ Gia Long qua đời vào năm Kỷ Mão (1819), Ngài trị vì 18 năm, thọ được 59 tuổi.

(Tiếp theo phần 6)